

Bản án số: 104/2021/DS-ST

Ngày 17/12/2021

V/v Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông **Rchâm Đương**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ**

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vương Tấn Lập**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng N**

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

**Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T**, chức vụ: Tổng giám đốc.

**Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tấn Đ**, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia G (có mặt).

**Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Võ Văn S**, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia G (có mặt).

2. **Bị đơn: Ông Hà Văn T và bà Dương Thị N**

Địa chỉ: thôn V, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N cho ông Hà Văn T và bà Dương Thị N vay 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 3523/2018/HĐTD ngày 21/12/2018 để chăm sóc cây cà phê, chăn nuôi bò với thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 21/12/2018 bị đơn chỉ thanh

toán cho Ngân hàng 11.940.199đ tiền gốc và 59.801đ tiền lãi. Ngày 24/12/2019 khoản vay của bị đơn thành nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, bị đơn lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 790117/HĐTC ngày 11/01/2017 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 21a, địa chỉ: xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G.

Nay nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền gốc còn lại là 288.059.801đ, tiền lãi trong hạn là 30.115.069đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 85.945.638đ và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn trả xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi. Nếu bị đơn không trả nợ đầy đủ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn đã được Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

*Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả tiền gốc còn lại là 288.059.801đ, tiền lãi trong hạn là 30.115.069đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 85.945.638đ và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn trả xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi. Nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.*

*Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Ngân hàng N khởi kiện ông Hà Văn T và bà Dương Thị N để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy việc xét xử vắng mặt họ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 3523/2018/HĐTD ngày 21/12/2018 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Trong quá trình vay, bị đơn chỉ trả lãi cho nguyên đơn được 11.940.199đ tiền gốc và 59.801đ tiền lãi. Khi đến hạn trả nợ lãi ngày 21/3/2019 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi phát sinh cho nguyên đơn, khi đến hạn trả nợ gốc ngày 21/12/2019 bị đơn cũng không trả nợ gốc như đã thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc còn lại là 288.059.801đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 10%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn lãi trong hạn còn lại là 30.115.069đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 85.945.638đ như đại diện phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 288.059.801đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 30.115.069đ, lãi quá hạn là 85.945.638đ, tổng cộng cả gốc và lãi là **404.120.508đ**.

[4]. Về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 790117/HĐTC ngày 11/01/2017 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 5.000.000đ chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là 20.000.000đ + 4% ( 4.120.508đ) = 20.164.820đ.

Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Hà Văn T và bà Dương Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tiền nợ gốc là 288.059.801đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 30.115.069đ, lãi quá hạn là 85.945.638, tổng cộng cả gốc và lãi là **404.120.508đ** (*bốn trăm lẻ bốn triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm lẻ tám đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.*

3. Trong trường hợp ông Hà Văn T và bà Dương Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 42, tờ bản đồ số 21a, địa chỉ: xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G theo giấy CNQSD đất số K 713708 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 17/3/1999.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Hà Văn T và bà Dương Thị N phải hoàn trả cho Ngân hàng N **5.000.000đ** (*năm triệu đồng*).

5. Về án phí:

- Ông Hà Văn T và bà Dương Thị N phải liên đới chịu **20.164.820đ** (*hai mươi triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền đã tạm nộp là **7.201.495đ** (*bảy triệu hai trăm lẻ một nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0011914 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia G, tỉnh G.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

–

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**RChâm Đương**

**Nguyễn Thị Mỹ**

**Đặng Chí Công**